

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 20-3-2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Thi Thị Ngọc Hạnh

Bà Nguyễn Thị Nhiều

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Đông Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 01 năm 2025 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đỗ T - Sinh năm 1979 - Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 06-02-2025).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh S - Sinh năm 1974 - Địa chỉ: Ấp 3, xã N, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt ngày 27-02-2025).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02-01-2025, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Đỗ T trình bày: bà T và ông Nguyễn Minh S đăng ký kết hôn ngày 14-02-2000 tại Ủy ban nhân dân (UBND) N, huyện Đ, tỉnh Long An. Vợ chồng chung sống đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn vì ông S thường xuyên uống rượu về ngược đãi vợ con. Ông S không quan tâm, không tôn trọng bà T. Bà T và ông S đã sống riêng từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Về hôn nhân: bà T yêu cầu ly hôn với ông S. Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh T1 (sinh ngày 07-

10-1998) và Nguyễn Trang T2 (sinh ngày 23-10-2002). Hiện 02 con chung đã hơn 18 tuổi, đã lập gia đình và có cuộc sống riêng ổn định. Bà T không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung. Về tài sản chung: không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 27-02-2025, các văn bản tiếp theo, bị đơn ông Nguyễn Minh S trình bày: thống nhất với bà T về điều kiện kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn, ông S có ngược đãi bà T, thời gian sống riêng với nhau, có 02 con chung đã thành niên. Ông S đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Về con chung: ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: bà Đỗ T khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh S. Ông S cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà T và ông S đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà T: bà T và ông S xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 14-02-2000 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Bà T và ông S đều cho rằng mâu thuẫn do ông S ngược đãi bà T. Bà T và ông S đã sống riêng từ năm 2022 đến nay. Bà T yêu cầu ly hôn. Ông S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Xét mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận và Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà T và ông S thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Bà T và ông S thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Huỳnh T1 (sinh ngày 07-10-1998) và Nguyễn Trang T2 (sinh ngày 23-10-2002). Hiện 02 con chung đã hơn 18 tuổi. Bà T và ông S không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà T và ông S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: bà T và ông S cho rằng không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản và nợ.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà T và ông S thuận tình ly hôn nên mỗi bên phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ T đối với ông Nguyễn Minh S về việc “ly hôn”;

Về hôn nhân: Ghi nhận việc bà Đỗ T và ông Nguyễn Minh S thuận tình ly hôn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Đỗ T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0004923 ngày 13-01-2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ. Trả lại cho bà T 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Minh S phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và

Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã N (*ghi số hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên